

Số:194 /BC-KHĐT

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Kết quả đánh giá, phân tích về kết quả chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh và đề xuất định hướng, giải pháp nhằm nâng cao chỉ số PCI trong thời gian tới**

Thực hiện văn bản 4392/UBND-TH3 ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về việc báo cáo đánh giá, phân tích về kết quả chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh và đề xuất định hướng, giải pháp nhằm nâng cao chỉ số PCI trong thời gian tới;

Sau khi tổng hợp ý kiến của các sở ban ngành, Báo cáo số 45/BC-TTXX ngày 18/5/2023 của Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh Lâm Đồng và đề xuất một số giải pháp như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CHỈ SỐ PCI 2022**

##### **1. Tổng quan về chỉ số PCI**

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tổng hợp hiện tại được tính toán từ kết quả 142 chỉ tiêu thuộc 10 chỉ số thành phần phản ánh chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh. Dữ liệu các chỉ tiêu này có được thông qua hoạt động khảo sát các doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố kết hợp với hoạt động thu thập dữ liệu do các Bộ, ngành Trung ương công bố.

Năm 2022, nhóm nghiên cứu PCI tiến hành cập nhật trọng số để đảm bảo rằng những chỉ số thành phần được gán trọng số lớn nhất là những nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến sự tăng trưởng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp qua thời gian<sup>1</sup>. Những chỉ số có tác động lớn nhất được gán trọng số 15%, những chỉ số có tác động trung bình được gán trọng số 10% và những chỉ số có tác động nhỏ nhất có trọng số 5%. Cụ thể:

**Bảng số 01: Trọng số các chỉ số thành phần PCI 2022**

STT	Tên chỉ số thành phần	Trọng số
1	Chi phí Gia nhập thị trường	5%
2	Tiếp cận đất đai	10%
3	Tính minh bạch	5%
4	Chi phí thời gian	5%
5	Chi phí không chính thức	15%

<sup>1</sup> Năm 2021 là năm hiệu chỉnh chỉ số PCI theo chu kỳ 04 năm/lần, tuy nhiên do bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến mọi hoạt động của nền kinh tế Việt Nam nên nhóm nghiên cứu PCI chỉ thực hiện điều chỉnh đối với hệ thống chỉ tiêu mà không điều chỉnh trọng số của các chỉ số thành phần.

6	Cạnh tranh bình đẳng	10%
7	Tính năng động	15%
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	15%
9	Đào tạo lao động	10%
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	10%

## 2. Điểm trung vị PCI 2022 của cả nước

Về tổng thể, chất lượng điều hành kinh tế của các địa phương trong năm 2022 có sự cải thiện. Điểm tổng hợp PCI 2022 có trọng số tại tỉnh trung vị của cả nước đạt 65,22 điểm, tăng 0,48 điểm so với điểm của PCI 2021 và tương đương với mức điểm PCI 2019 - năm trước đại dịch Covid-19 (với tỉnh trung vị đạt 65,13 điểm). Điểm trung vị PCI gốc tiếp tục duy trì xu hướng tăng liên tiếp từ năm 2016 đến nay và đạt 65,67 điểm trong PCI 2022, cao nhất trong các năm khảo sát PCI.

### B. Kết quả phân tích Chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh Lâm Đồng:

#### I. Đánh giá chung Chỉ số PCI năm 2022

Theo công bố của VCCI và USAID tại Việt Nam, năm 2022, PCI của tỉnh Lâm Đồng xếp ở vị trí 17/63 tỉnh thành với 67,62 điểm (tăng 0,45 điểm và giảm 2 bậc so với năm 2021).

#### Bảng số 02: So sánh chỉ số thành phần PCI Lâm Đồng năm 2022 với 2021

Chỉ số thành phần	2021		2022		So sánh 2022/2021		Điểm trung vị cả nước 2022	So sánh điểm số năm 2022 với trung vị cả nước	Kế hoạch 8552 /KH-UBND	Đánh giá
	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng (tăng, giảm)				
<b>Điểm số PCI</b>	<b>67,17</b>	<b>15</b>	<b>67,62</b>	<b>17</b>	<b>+0,45</b>	<b>-2</b>	<b>65,22</b>	<b>+2,4</b>		
(1) Gia nhập thị trường.	7,63	4	7,40	6	-0,23	-2	6,95	+0,45	7,81	Không đạt
(2) Tiếp cận đất đai.	7,28	20	7,84	3	+0,56	+17	6,98	+0,86		
(3) Tính minh bạch.	5,57	46	5,80	42	+0,23	+4	6,02	-0,22	5,85	Không đạt
(4) Chi phí thời gian.	6,55	56	6,92	45	+0,37	+11	7,37	-0,45		
(5) Chi phí không chính thức.	6,77	42	7,63	9	+0,86	+33	6,98	+0,65		
(6) Cạnh tranh bình đẳng.	7,19	4	5,64	45	-1,55	-41	6,06	-0,42		
(7) Tính năng động.	6,43	53	6,80	27	+0,37	+26	6,71	+0,09	6,37	Đạt
(8) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.	7,34	18	5,73	40	-1,61	-22	5,82	+0,09		

(9) Đào tạo lao động.	6,53	12	5,66	27	-0,87	-15	5,52	+0,14	6,52	Không đạt
(10) Thiết chế pháp lý và ANTT.	7,99	2	8,18	6	+0,19	-4	7,51	+0,67	6,80	Đạt

Việc tăng điểm số PCI (tăng 0,45 điểm) so với năm 2021 phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh tiếp tục được cải thiện, các sở, ban, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực để hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch. Tuy nhiên, năm 2022 vị trí xếp hạng PCI của tỉnh Lâm Đồng giảm 2 bậc so với năm 2021 cho thấy các tỉnh, thành trong cả nước đã tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp; mức độ gia tăng điểm số của các tỉnh, thành cao và nhanh hơn tỉnh Lâm Đồng.

*(đính kèm bảng so sánh PCI của tỉnh Lâm Đồng)*

## II. Phân tích, đánh giá

### 1. Những kết quả tích cực đã đạt được

#### 1.1. Doanh nghiệp tiếp cận đất đai dễ dàng hơn, tuy nhiên vẫn còn nhiều trở ngại cần nỗ lực cải cách

##### a) Phân tích kết quả:

Năm 2022, Chỉ số tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất đạt 7,84 điểm, tăng **0,56 điểm, tăng 17 bậc**; xếp ở vị trí 03/63 tỉnh, thành. Đây là chỉ số không tăng nhiều điểm nhưng tăng vượt bậc về thứ hạng.

##### Các chỉ tiêu tích cực:

- 74% doanh nghiệp tư nhân cho rằng không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh xếp hạng thứ 01/63 tỉnh, thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch là 7% xếp hạng 03/63 tỉnh thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm là 0% xếp hạng 01/63 tỉnh thành, đứng đầu cả nước.

- Chỉ 14% doanh nghiệp cho rằng thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi nhanh chóng xếp hạng thứ 07/63 tỉnh, thành.

##### Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 71% doanh nghiệp cho rằng thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định, xếp hạng 42/63 tỉnh thành.

- 12% doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất, xếp hạng 60/63 tỉnh thành

##### b) Đánh giá và nguyên nhân:

Trong năm 2022, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm và chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai dễ dàng hơn thông qua nhiều biện pháp khác nhau như: Rà soát các thủ tục hành chính nhằm đơn giản, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính; Công bố công khai các quy hoạch, kế hoạch sử

dụng đất; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của cấp huyện so với năm 2021; Tập trung đẩy nhanh tiến độ thẩm định danh mục công trình dự án nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt để có thể triển khai thu hồi đất tạo quỹ đất sạch đầu giá, giao các chủ đầu tư thực hiện dự án; Đẩy mạnh công tác số hóa cơ sở dữ liệu đất đai giúp dễ dàng tiếp cận, cung cấp thông tin thuận lợi, nhanh chóng; Kịp thời giải quyết vướng mắc, tháo gỡ khó khăn trong quá trình giải phóng mặt bằng của các dự án...

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Năm 2022 là năm triển khai đồng thời nhiều quy hoạch, có nhiều biến động về quy hoạch dẫn tới việc tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp còn gặp nhiều hạn chế.

(2) Thời gian giải quyết TTHC của một số nội dung phức tạp, đòi hỏi phải tổ chức lấy ý kiến giữa nhiều ngành và địa phương, nhiều thủ tục phải tổ chức hội đồng thẩm định, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến địa phương nên thời gian dài hơn theo quy định.

(3) Chính sách pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường vẫn còn có điểm chông chéo và chưa theo kịp thực tiễn phát triển. Một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân, liên quan đến yêu cầu của phát triển kinh tế dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, đáp ứng tiến độ và yêu cầu giải quyết công việc.

(4) Công tác quản lý và chính sách đất đai còn có nhiều bất cập, thủ tục thuê đất còn phức tạp. Công tác quản lý dự án, đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

(5) Công tác xây dựng bảng giá đất để bám sát giá thị trường gặp rất nhiều khó khăn...

## **1.2. Môi trường kinh doanh minh bạch hơn, thông tin kinh doanh công khai hơn:**

a) Phân tích kết quả:

Chỉ số tính minh bạch năm 2022 của tỉnh đạt 5,8 điểm, **tăng 0,23 điểm, tăng 4** bậc xếp ở vị trí thứ 42/63 tỉnh, thành - là chỉ số tăng điểm và tăng bậc.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 78% doanh nghiệp đồng ý thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích xếp hạng thứ 5/63 tỉnh, thành.

- 46% doanh nghiệp đồng ý thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích; xếp hạng thứ 6/63 tỉnh, thành.

- 51% doanh nghiệp đồng ý thông tin trên website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích; xếp hạng thứ 10/63 tỉnh, thành.

- 81% doanh nghiệp cho rằng vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng xếp hạng thứ 7/63 tỉnh thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 16% doanh nghiệp đồng ý có Minh bạch trong đấu thầu, xếp hạng 53/63 tỉnh thành.
- 82% ý kiến đồng ý việc thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh, xếp hạng 61/63 tỉnh thành.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Năm 2022, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho doanh nghiệp: Công khai các quy hoạch trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Công khai tài liệu pháp lý bằng nhiều hình thức, phương thức; Cập nhật dữ liệu các văn bản QPPL trên hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản quốc gia của tỉnh; Cập nhật các chỉ đạo quan trọng của lãnh đạo tỉnh, các tuyến bài tuyên truyền về các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh được cộng đồng doanh nghiệp quan tâm; Thực hiện công khai minh bạch trong các hoạt động; chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương, tinh thần thái độ, ứng xử trong việc giải quyết TTHC

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Vẫn có những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện công tác đấu thầu do pháp luật còn có điểm bất cập, hạn chế như quy định về một số hoạt động mua sắm đấu thầu, lựa chọn nhà thầu chưa được quy định, hoặc quy định chưa đầy đủ trong luật.

(2) Việc tiếp cận một số tài liệu của các doanh nghiệp còn bị hạn chế, một số văn bản chưa đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử.

(3) Việc cập nhật thông tin trên website của một số các sở, ngành và các địa phương còn thiếu chủ động, chưa kịp thời

(4) Doanh nghiệp giảm truy cập vào website của tỉnh do có nhiều lựa chọn về kênh tiếp cận thông tin khác có nội dung thông tin tương tự như Zalo, mạng xã hội.

### **1.3. Thời gian thanh, kiểm tra và thực hiện các TTHC có xu hướng giảm:**

a) Phân tích kết quả: Chỉ số chi phí thời gian năm 2022 của tỉnh đạt 6,92 điểm, tăng 0,37 điểm, tăng 11 bậc xếp ở vị trí thứ 45/63 tỉnh, thành là chỉ số tăng điểm mạnh và tăng vượt bậc về thứ hạng.

Các chỉ tiêu tích cực:

- Tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của nhà nước là 8%, xếp hạng 04/63 tỉnh thành.

- 92% doanh nghiệp đồng ý với ý kiến không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký, xếp hạng thứ 01/63 tỉnh thành.

- 89% doanh nghiệp đồng ý về việc thủ tục giấy tờ đơn giản, xếp hạng thứ 02/63 tỉnh, thành.

- Số giờ thanh kiểm tra thuế mỗi cuộc là 2 giờ, thấp nhất cả nước và xếp vị trí 01/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 15% Doanh nghiệp cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm, xếp hạng 59/63 tỉnh thành.
- 40% Doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến, xếp hạng 61/63 tỉnh thành.
- 38% Doanh nghiệp cho rằng thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho Doanh nghiệp, xếp hạng 61/63 tỉnh thành.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Trong năm 2022, các sở ban ngành, địa phương tập trung triển khai nhiều giải pháp đơn giản hóa Thủ tục hành chính, triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh về trình tự danh mục một số thủ tục hành chính thực hiện cắt, giảm thời gian giải quyết để thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh.

Cán bộ làm việc tại Trung tâm chấp hành nghiêm túc kỷ luật kỷ cương hành chính, văn hóa văn minh công sở, nêu cao tinh thần, trách nhiệm giải quyết nhanh nhất hồ sơ TTHC cho tổ chức, công dân. Bên cạnh đó, hiện tượng cán bộ thanh kiểm tra bị doanh nghiệp phản ánh có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực thi nhiệm vụ đã được kiểm soát, cải thiện đáng kể; nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra ít bị trùng lặp...

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Còn có một số kết quả TTHC đặc thù gặp khó khăn trong việc số hóa, chưa có hướng dẫn cụ thể để áp dụng ký số trả kết quả.

(2) Khó khăn về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống giải quyết TTHC, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến toàn trình đòi hỏi việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị phải được thông suốt.

(3) Việc công bố, niêm yết TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh còn chưa kịp thời. Bên cạnh đó doanh nghiệp, người dân còn hạn chế, vẫn còn tâm lý không muốn thay đổi, còn lo ngại về việc không thuận tiện và mất an toàn thông tin khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến nên vẫn đến trực tiếp cơ quan nhà nước để nộp hồ sơ...

#### **1.4. Việc chi trả chi phí không chính thức có xu hướng giảm:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, chỉ số Chi phí không chính thức của tỉnh Đạt 7,63 điểm, tăng 0,86 điểm - chỉ số tuy không tăng nhiều điểm nhưng tăng vượt bậc về thứ hạng, cụ thể tăng 33 bậc và xếp ở vị trí 09/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu tích cực:

- Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ, thanh kiểm tra là 5%, xếp hạng 02/63 tỉnh thành, tỉ lệ trung vị cả nước là 14%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN/Sửa đổi ĐKDN là 0%, xếp hạng 01/63 tỉnh thành, tỉ lệ trung vị cả nước là 7%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra là 5% thấp hơn mức 14% trung vị cả nước, xếp thứ 02/63.

- 1% Doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức trong khi mức trung vị là 3.82%, xếp hạng 3/63 tỉnh thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện là 25%, xếp thứ 42/63 tỉnh, thành phố.

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế là 78%, xếp thứ 58/63 tỉnh, thành phố.

- Tỷ lệ chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu là 51% xếp thứ 55/63 tỉnh, thành phố.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Các sở, ngành, địa phương đã thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh tại các văn bản: số 6407/UBND-NC ngày 04/10/2018 về việc tăng cường công tác phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; số 2528/UBND-NC ngày 26/4/2021 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, UBND tỉnh phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được thanh tra, kiểm tra để tránh việc chông chéo, trùng lặp trong công tác thanh tra, kiểm tra của các cấp, các ngành đối với doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hoạt động ngày càng có hiệu quả, góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Tình trạng nhũng nhiễu, gây khó khăn của cán bộ công chức khi giải quyết TTHC vẫn chưa được ngăn chặn triệt để.

(2) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn có trường hợp một số công chức kỹ năng giao tiếp, thuyết trình còn chưa tốt, dẫn đến doanh nghiệp chưa hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của mình khi làm việc với các Đoàn thanh tra, kiểm tra.

(3) Công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp chưa được kịp thời, đầy đủ để người dân và doanh nghiệp hiểu rõ quy định của pháp luật.

### **1.5. Tính năng động, sáng tạo của chính quyền tỉnh có xu hướng tăng:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, Chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền đạt 6,80 điểm, tăng 0,37 điểm. Đây là chỉ số tăng điểm số và tăng vượt bậc về thứ hạng, cụ thể tăng 26 bậc và xếp ở vị trí 27/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 93% doanh nghiệp đồng ý các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh, xếp hạng thứ 01/63 tỉnh, thành.

- 95% doanh nghiệp đồng ý UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi xếp hạng 03/63 tỉnh, thành.

- 93% doanh nghiệp đồng ý UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh xếp hạng thứ 02/63 tỉnh thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 77% doanh nghiệp đánh giá các sở, ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, xếp thứ 60/63 tỉnh, thành phố.

- 77% doanh nghiệp đánh giá chính quyền cấp huyện không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, xếp thứ 59/63 tỉnh, thành phố.

- 21% doanh nghiệp đánh giá chủ trương, chính sách của tỉnh, đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán, xếp thứ 63/63 tỉnh, thành phố.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Ngay từ đầu năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 689/CTr-UBND ngày 27/01/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Trong năm, UBND tỉnh đã tổ chức 03 Hội nghị đối thoại, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các kiến nghị, đề xuất của các doanh nghiệp được các sở, ban, ngành và địa phương trả lời đầy đủ, các kiến nghị vượt thẩm quyền giải quyết đã được tổng hợp để đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền xem xét.

Trong năm 2022, đã cắt giảm thời gian thực hiện của 60 thủ tục hành chính có liên quan đến quy trình dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, xây dựng, tài nguyên và môi trường, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, văn hóa, thể thao và du lịch. Hướng dẫn thực hiện song song thủ tục gia hạn thời gian đưa đất vào sử dụng và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cho nhà đầu tư, rút ngắn thời gian triển khai các thủ tục liên quan đến dự án.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Sự phối hợp giữa các sở ban ngành, các địa phương trong việc xử lý những vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp đôi khi chưa chặt chẽ, giải quyết chưa kịp thời, thời gian kéo dài...

(2) Việc cập nhật các quy định, văn bản mới của Trung ương, địa phương trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương đôi lúc còn chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến việc truy cập và tìm kiếm thông tin, tài liệu từ phía các doanh nghiệp.

**1.6. Giải quyết tranh chấp công bằng và hiệu quả, tình hình an ninh trật tự tiếp tục được duy trì:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự đạt 8,18 điểm, tăng 0,19 điểm, nhưng giảm 4 bậc tuy nhiên vẫn xếp ở vị trí cao 06/63 tỉnh thành.

Các chỉ tiêu tích cực:



- Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp là 81%, xếp hạng 02/63 tỉnh thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý cán bộ sai phạm là 79%, xếp hạng 03/63 tỉnh thành.

- 87% doanh nghiệp cho rằng tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt xếp hạng thứ 08/63 tỉnh thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua là 1%, xếp hạng thứ 01/63 tỉnh thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn là 0%, xếp hạng thứ 01/63 tỉnh thành.

#### b) Đánh giá và nguyên nhân:

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở ngành rà soát các nội dung quy định của pháp luật, văn bản hướng dẫn của các cơ quan Trung ương còn thiếu, chưa rõ ràng gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện để đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 8443/UBND-NC ngày 07/11/ 2022 về việc báo cáo đề xuất xem xét sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Công an tỉnh, các đơn vị có liên quan đã triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, chỉ đạo của Bộ Công an, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về đảm bảo an ninh trật tự; triển khai ở cường độ cao các Kế hoạch tấn công, trấn áp các băng, nhóm tội phạm hình sự, đạt kết quả rất tốt, đã triệt xóa, làm tan rã các nhóm, đối tượng, góp phần kéo giảm các loại tội phạm. Qua đó, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh luôn bảo đảm ổn định, duy trì môi trường xã hội an toàn, lành mạnh cho các hoạt động kinh tế, xã hội và dân sinh.

## **2. Những chỉ số có xu hướng giảm, còn hạn chế:**

### **2.1. Chi phí gia nhập thị trường có xu hướng tăng:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, chỉ số chi phí gia nhập thị trường đạt 7,40 điểm, giảm 0,23 điểm - là chỉ số giảm điểm, giảm thứ hạng (giảm 2 bậc) tuy nhiên vẫn xếp ở vị trí 6/63 tỉnh thành.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 100% doanh nghiệp được khảo sát đánh giá thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai, xếp hạng 01/63 tỉnh, thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp là 0%, xếp hạng 01/63 tỉnh, thành.

- 80% Cán bộ tại bộ phận một cửa nhiệt tình, thân thiện xếp hạng 12/63 cả nước.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- Thời gian đăng ký doanh nghiệp là 9,5 ngày, cao hơn mức trung vị 7 ngày của cả nước, xếp hạng 50/63 tỉnh, thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp là 7%, cao hơn mức 4% trung vị của cả nước, xếp hạng 46/63 tỉnh, thành.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Công tác đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã duy trì được tính ổn định và cải thiện theo hướng tích cực.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Công tác phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở ban ngành, đặc biệt là Cục thuế tỉnh trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hạn chế.

(2) Thời gian đăng ký doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp còn kéo dài.

(3) Người dân và doanh nghiệp vẫn phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục.

## **2.2. Môi trường cạnh tranh chưa thật sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, Chỉ số cạnh tranh bình đẳng đạt 5,64 điểm, giảm 1,55 điểm, giảm 41 bậc và xếp ở vị trí 45/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 19% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước xếp hạng 2/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu hạn chế:

- 82% doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, xếp hạng thứ 60/63 tỉnh thành.

- 80% doanh nghiệp cho rằng việc tỉnh ưu ái cho doanh nghiệp lớn (*cả DNNN và tư nhân*) gây khó khăn cho doanh nghiệp, xếp hạng thứ 60/63 tỉnh thành.

- 80% doanh nghiệp cho rằng: "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh", xếp hạng thứ 59/63 tỉnh thành.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Trong quá trình thực thi công vụ, các sở ban ngành, địa phương đều triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo sự bình đẳng trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của tất cả các loại hình doanh nghiệp; đảm bảo các doanh nghiệp lớn hay nhỏ, trong nước hay FDI, doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân đều có thể tiếp cận thông tin và đối xử bình đẳng. Tuy nhiên, điểm số và thứ hạng của chỉ số này chưa đạt mục tiêu đề ra, có thể nhận diện một số nguyên nhân như sau:

(1) Theo sách Doanh nghiệp Việt Nam năm 2022, trên địa bàn tỉnh có tới 98,6% là DNNVV và siêu nhỏ, do đó việc khai thác các thông tin liên quan đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp còn rất hạn chế.

(2) Công tác tuyên truyền chưa đạt kết quả tốt do đó doanh nghiệp nhỏ chưa nắm được hết các nội dung hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

### **2.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa có nhiều cải thiện:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt 5,73 điểm, giảm 1,61 điểm, giảm 22 bậc và xếp ở vị trí 40/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu tích cực: 67% doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các các hiệp định thương mại tự do là thuận lợi, xếp hạng 2/63 tỉnh thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ là 64% xếp hạng 52/63 tỉnh.

- 69% doanh nghiệp cho rằng thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp là dễ thực hiện, xếp hạng 50/63 tỉnh, thành.

- 76% doanh nghiệp cho rằng thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện, xếp hạng 49/63 tỉnh, thành.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Các sở ban ngành thường xuyên đăng tải các thông tin về các hiệp định thương mại tự do và chương trình hợp tác kinh tế, thương mại với các nước đã ký Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam. Tuy nhiên, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp việc giải đáp các vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do chưa đạt hiệu quả cao, việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chưa thật sự thuận lợi. Đồng thời, một số doanh nghiệp chưa chủ động cập nhật các văn bản, chính sách như việc thực hiện các FTA thế hệ mới có hiệu lực từ năm 2022.

### **2.4. Chính sách đào tạo lao động còn hạn chế:**

a) Phân tích kết quả: Năm 2022, chỉ số đào tạo lao động đạt 5,66 điểm, giảm 0,87 điểm, giảm 15 bậc và xếp ở vị trí 27/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 61% doanh nghiệp đánh giá giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt xếp hạng 11/63 tỉnh, thành.

- 53% doanh nghiệp đánh giá lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp xếp hạng 12/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 54% doanh nghiệp được khảo sát đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng, xếp hạng 41/63 tỉnh, thành.

- 23% doanh nghiệp được khảo sát đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng, xếp hạng 45/63 tỉnh, thành.

- Tỷ lệ lao động tại doanh nghiệp đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 47,47%, xếp hạng 39/63 tỉnh, thành.

b) Đánh giá và nguyên nhân:

Trong năm 2022, tỉnh Lâm Đồng đã tăng cường phối hợp, hợp tác giữa nhà nước, doanh nghiệp với cơ sở đào tạo trong hợp tác đào tạo, đào tạo lại lao động nhằm cải thiện kỹ năng cần thiết cho lực lượng lao động, đón đầu xu hướng thay đổi liên quan nhu cầu sử dụng lao động. Công tác tổ chức tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động được triển khai đồng bộ và liên tục dưới nhiều hình thức để hỗ trợ các đối tượng về chọn nghề, học nghề gắn với việc làm và thị trường lao động. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Số lượng và chất lượng cung cấp dịch vụ việc làm chưa tương xứng với nhu cầu của thị trường lao động.

(2) Đại dịch Covid-19 đã tác động trực tiếp đến tình hình lao động việc làm trên địa bàn tỉnh, làm cho người sử dụng lao động một số lĩnh vực buộc phải thay đổi cơ cấu lao động, mặt khác người lao động có xu hướng chuyển đổi công việc, nghề, khu vực làm việc giữa các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Những biến động trên của thị trường lao động đã làm phát sinh chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp. Nguồn nhân lực ban đầu chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

### **3. Đánh giá chung:**

#### **3.1. Tích cực:**

Năm 2022, các cấp, các ngành, địa phương thuộc Tỉnh bám sát các chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh để triển khai nhiệm vụ 2022, trong đó tập trung cụ thể hóa các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND tỉnh bằng những kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để chỉ đạo, điều hành; đồng thời bám sát tình hình thực tiễn để tích cực, chủ động linh hoạt, sáng tạo vừa thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch bệnh Covid-19, vừa bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được chú trọng triển khai, niềm tin của doanh nghiệp đối với chính quyền được củng cố.

Hàng năm, tỉnh Lâm Đồng cũng đã tổ chức các hội thảo đánh giá, phân tích và đưa ra các đề xuất giải pháp để nâng cao các chỉ số: PAPI, Par-Index, SIPAS, PCI của tỉnh; qua đó, nhằm cải thiện, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị, hành chính công và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

#### **3.2. Những mặt còn hạn chế:**

Mặc dù rất nỗ lực nhưng một số chỉ số thành phần chưa đạt được mục tiêu đã đề ra; Một số chỉ tiêu mặc dù đã có sự cải thiện tăng điểm hoặc tăng hạng nhưng nhìn chung vẫn ở thứ hạng chưa cao so với các địa phương trên cả nước, còn nhiều dư địa để cải cách. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đặc biệt là cơ quan đầu mối các chỉ số thành phần và các cơ quan chủ trì các chỉ tiêu còn chưa thực sự nhuần nhuyễn và thường xuyên.

### **4. Bài học kinh nghiệm:**

Một là, thường xuyên rà soát, bám sát mục tiêu các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với

chuyển đổi số. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

Hai là, Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan luôn đổi mới tư duy phát triển, bám sát thực tiễn; năng động, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân.

Ba là, triển khai đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số trong quá trình giải quyết TTHC, trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng đúng và trúng nhu cầu của doanh nghiệp. Tăng cường nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả trong việc khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

### **C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ PCI NĂM 2023 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

#### **1. Mục tiêu:**

- Tiếp tục duy trì các chỉ số thành phần có điểm số và thứ hạng cao của năm 2022 và tập trung duy trì nâng cao điểm số của các chỉ số: (1) Chỉ số chi phí gia nhập thị trường, (2) Chỉ số cạnh tranh bình đẳng, (3) Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, (4) Đào tạo lao động.

- Ưu tiên tập trung và cải thiện vượt bậc điểm số và thứ hạng các chỉ số chỉ số thành phần giảm điểm, giảm thứ hạng.

#### **2. Phương hướng nhiệm vụ và giải pháp:**

(1) Tập trung thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; các Nghị quyết Phiên họp thường kỳ của Chính phủ.

(2) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 8552/KH-UBND ngày 28/11/2021 của UBND tỉnh về cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo nhằm giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp, đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. Các sở, ban, ngành địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại hạn chế ở từng chỉ số.

(3) Quy định rõ trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo điều hành và tham mưu, phối hợp triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đảm bảo gắn chất lượng, hiệu quả với công tác đánh giá cán bộ. Người đứng đầu các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị được giao làm đầu mối các chỉ số thành phần PCI phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về điểm số và thứ hạng các chỉ số thuộc trách nhiệm cơ quan mình. Triển khai các giải pháp để rút ngắn số ngành đăng ký doanh nghiệp từ 9,5 ngày xuống còn 3-4 ngày.

(4) Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động người dân, doanh nghiệp (thông qua Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và Hội doanh nghiệp các địa phương) tích cực tham gia cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

(5) Tăng cường cơ chế giám sát và xử lý nghiêm hành vi nhũng nhiễu, đòi hỏi các khoản chi phí không chính thức từ doanh nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực thanh kiểm tra, giải quyết TTHC về đất đai, thuế, xây dựng, phòng cháy chữa cháy... tạo sự công bằng trong thực hiện TTHC, tiếp cận đất đai, giải quyết khó khăn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

(6) Xây dựng và phát triển chính quyền số; đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cấp phép đầu tư, kiên quyết loại bỏ các rào cản bất hợp lý, các chi phí không chính thức; ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin; đổi mới, phát huy hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cấp phù hợp với xu hướng chuyển đổi số toàn diện.

(7) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thủ trưởng các sở, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để cán bộ, công chức đơn vị mình có hành vi nhũng nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân khi thực hiện các TTHC cũng như các hoạt động công vụ có liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp do đơn vị mình đảm trách.

(8) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức của các cấp, các ngành về tầm quan trọng và ưu tiên tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, khắc phục tâm lý chủ quan, thoả mãn với những kết quả bước đầu; tạo sự lan tỏa, giúp cộng đồng doanh nghiệp hiểu sâu hơn, thực chất hơn về những nỗ lực của tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

(9) Cung cấp đầy đủ thông tin lên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương mình đảm bảo theo Quy định tại Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

(10) Bám sát các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ và kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; chú trọng rà soát, nâng cao hiệu quả triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4, ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính trực tuyến. Đồng thời, cụ thể hóa nhiệm vụ theo các mục tiêu định lượng và gắn với thời hạn để thúc đẩy tốc độ chuyển đổi số ở các sở ban ngành và địa phương.

*(Chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp của từng chỉ số theo phụ lục đính kèm)*

#### **D. Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI)**

## 1. Tổng quan về chỉ số PGI

Năm 2022 VCCI chính thức triển khai điều tra Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) như một hợp phần về môi trường được tích hợp trong điều tra PCI 2022. Chỉ số PGI được công bố thường niên và sẽ trải qua một lộ trình thử nghiệm, hoàn thiện và phát triển, với mong muốn đây sẽ là một công cụ chính sách hữu ích, có thể bổ trợ chỉ số PCI để thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thân thiện môi trường đảm bảo phát triển bền vững tại Việt Nam trong thời gian tới. Chỉ số PGI có 4 chỉ số thành phần được tạo thành từ 44 chỉ tiêu đo lường chất lượng quản trị môi trường tại các tỉnh, thành phố theo hướng gắn bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế. 4 chỉ số thành phần PGI theo thứ tự các hoạt động truyền thông đến các hoạt động mới nhất và mang nhiều kỳ vọng. Cụ thể:

1.1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của BĐKH (cho doanh nghiệp) đo lường cơ sở hạ tầng cơ bản và các dịch vụ công do chính quyền tỉnh cung cấp nhằm giảm thiểu rủi ro gây ra bởi thiên tai và biến đổi khí hậu cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu đo lường các nỗ lực của chính quyền tỉnh nhằm thúc đẩy các tiêu chuẩn an toàn môi trường thông qua ban hành các chính sách, quy định có chất lượng tốt, thực hiện công tác thanh tra kiểm tra môi trường hợp lý và thực thi pháp luật nghiêm túc đối với các trường hợp vi phạm.

1.3. Thúc đẩy thực hành xanh đo lường vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trên hai khía cạnh: (1) mua sắm xanh và (2) hướng dẫn, phổ biến về các quy định pháp luật môi trường có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

1.4. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường đánh giá mức độ doanh nghiệp có thể tiếp cận và thụ hưởng các chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến các thực hành và kinh doanh xanh do chính quyền địa phương triển khai.

## 2. Kết quả đánh giá chỉ số PGI tỉnh Lâm Đồng năm 2022:

Chỉ số PGI của tỉnh Lâm Đồng năm 2022 là 14,47 xếp hạng 36/63 tỉnh, thành; xếp thứ 2/5 tỉnh Tây Nguyên (tỉnh Kom Tum đứng đầu với 15,09 điểm), bao gồm 4 chỉ số thành phần với trọng số 25% ngang nhau, cụ thể:

2.1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến động khí hậu: đạt 3,34 điểm xếp hạng 50/63 cả nước.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 0% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng chuyển địa điểm đầu tư đến địa phương có ít rủi ro thiên tai hơn, xếp hạng 1/63 tỉnh, thành.

- 59% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng Chất lượng môi trường tổng thể tại tỉnh là tốt hoặc rất tốt; xếp hạng 21/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 20% doanh nghiệp được khảo sát đánh giá Môi trường tại tỉnh không ô nhiễm hoặc hơi ô nhiễm; thấp hơn mức trung vị 30% của cả nước, xếp hạng 54/63 tỉnh, thành.

- 51% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng bởi mức độ ô nhiễm; cao hơn mức 37% trung vị cả nước, xếp thứ 57/63 tỉnh, thành.

- 71% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng tình trạng doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường là phổ biến tại tỉnh; cao hơn mức 58% trung vị cả nước và xếp thứ 52/63 tỉnh, thành.

2.2. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu: đạt 5,13 điểm, xếp hạng 30/63 cả nước.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 87% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng tỉnh khắc phục nhanh chóng các sự cố ô nhiễm môi trường, xếp hạng 1/63 tỉnh, thành.

- 2% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng thanh tra môi trường tạo cơ hội cho cán bộ thanh kiểm tra những nhiều doanh nghiệp, xếp hạng 6/63 tỉnh, thành.

- 0% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng dữ liệu Bộ Tài nguyên và Môi trường: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn; xếp hạng 1/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:

- 87% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng tỉnh có giải pháp hiệu quả để phòng ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường, xếp hạng 63/63 tỉnh, thành.

2.3. Chỉ số thúc đẩy thực hành xanh: đạt 4,27 điểm, xếp hạng 23/63 cả nước.

Các chỉ tiêu tích cực:

- 71% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng doanh nghiệp được hướng dẫn về quy định pháp luật môi trường, xếp hạng 5/63 tỉnh, thành.

- 78% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng cơ quan nhà nước tại tỉnh sẵn sàng trả giá cao hơn khi mua hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp “xanh”, xếp hạng 6/63 tỉnh, thành.

- 83% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng cơ quan nhà nước tại tỉnh ưu tiên mua hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp “xanh”; xếp hạng 5/63 tỉnh, thành.

- 8% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng doanh nghiệp được hướng dẫn về giảm thiểu ô nhiễm không khí, xếp hạng 9/63 tỉnh, thành

2.4. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường: đạt 1,69 điểm, xếp hạng 50/63 cả nước.

Các chỉ tiêu tích cực:

- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tái trồng rừng là 0.20 điểm, xếp thứ 26/63 tỉnh, thành.

- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả là 0.94 điểm, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành.

Các chỉ tiêu còn hạn chế:



- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về năng lượng sạch/năng lượng tái tạo là 0.19 điểm, xếp hạng 49/63 tỉnh, thành.
- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu ô nhiễm không khí là 0,33 điểm; xếp hạng 55/63 tỉnh, thành.
- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu ô nhiễm nước và nước thải lag 0,24 điểm, xếp hạng 58/63 tỉnh, thành.

### **3. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chỉ số xanh của tỉnh năm 2023:**

- Đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, có công nghệ hiện đại; các dự án đầu tư xanh, thân thiện với môi trường; có chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút đầu tư phù hợp đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo.
- Lòng ghép vấn đề bảo vệ môi trường, kinh tế xanh vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đặt vấn đề bảo vệ môi trường vào một vị trí trọng tâm hơn trong các kế hoạch kinh tế.
- Huy động sự tham gia của các bên liên quan trong xây dựng, thực thi và giám sát chính sách hoặc các hoạt động liên quan đến môi trường (phối hợp với các doanh nghiệp du lịch, các trường đại học, các tổ chức cộng đồng thực hiện các chương trình như tuần lễ xanh, tuần lễ thu gom rác, phong trào không dùng túi nilon,...
- Thực hiện nghiêm công tác quản lý, bảo vệ rừng theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án của UBND tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định. Chú trọng công tác tuần tra, cảnh báo, thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng. Thực hiện tốt kế hoạch trồng rừng, trồng 50 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2025 và trồng 12,4 triệu cây xanh năm 2023 theo kế hoạch. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách bảo vệ môi trường đến mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dân. Phát huy vai trò giám sát của người dân, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội.

Trên đây là báo cáo Kết quả xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh Lâm Đồng và tổng hợp phân tích nguyên nhân làm tăng, giảm chỉ số thành phần PCI, kính báo cáo UBND tỉnh xem xét./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, THQH

**GIÁM ĐỐC**



**Tôn Thiện San**

**Phụ lục 1: Bảng so sánh chỉ số PCI của tỉnh Lâm Đồng**

Tỉnh/Thành phố	Số điểm	Xếp hạng PCI	Khoảng cách giữa Lâm Đồng so với các tỉnh, thành	
			Về thứ bậc	Về điểm số
Quảng Ninh: <i>(Tỉnh dẫn đầu trong nhóm 30 tỉnh điều hành tốt nhất)</i>	72,95	1	dưới 16 bậc	kém 5,33 điểm
Bắc Giang	72,80	2	dưới 15 bậc	kém 5,18 điểm
Ninh Thuận <i>(Tỉnh xếp vị trí cuối cùng trong nhóm 30 tỉnh điều hành tốt nhất)</i>	65,43	30	trên 13 bậc	hơn 2,19 điểm

**Điểm số PCI của tỉnh Lâm Đồng và điểm số PCI cao nhất, thấp nhất của cả nước năm 2021 và 2022**

Tỉnh/Thành phố	Xếp hạng		Điểm số PCI	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
Lâm Đồng	15	17	67,17	67,62
Thấp nhất cả nước			56,29	59,58
Trung vị cả nước			64,74	65,22
Cao nhất cả nước			73,02	72,95

## **Phụ lục 2: Đề xuất giải pháp cụ thể đối với các chỉ số thành phần**

### **1. Chỉ số tính minh bạch**

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố cần tập trung chỉ đạo:

(1) Rà soát, cung cấp đầy đủ thông tin, cung cấp đầy đủ thông tin lên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương đảm bảo theo Quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

(2) Đăng tải đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành, địa phương đã tham mưu ban hành; văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh liên quan đến lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

(3). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nhiệm vụ thực hiện cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh nói chung và chỉ số tính minh bạch nói riêng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước để nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

(4) Các sở, ngành, địa phương chủ động bám sát tài liệu hướng dẫn của các Bộ, ngành để tổ chức thực hiện hiệu quả các phần việc trong cải cách hành chính; thường xuyên rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi các quy trình, thủ tục hành chính bất hợp lý, trong đó tập trung vào việc đơn giản hóa quy định, thủ tục trong các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, thuế, xuất nhập khẩu,...

(5) Tăng cường công tác tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp đa dạng qua các kênh trực tiếp và gián tiếp, như: văn bản giấy, thư điện tử, điện thoại...

(6) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước; công khai minh bạch thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, các dự án, danh mục kêu gọi đầu tư; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, các khoản phí, lệ phí; tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

### **2. Chỉ số đào tạo lao động**

(1) Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh, phấn đấu giải quyết việc làm từ 25 đến 28 ngàn lượt lao động. Trong đó đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài từ 400 đến 500 người.

(2) Triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững” của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

(3) Phân đầu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 77% (tăng thêm 3% so với kết quả năm 2022). Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ 22,4% (tăng thêm 0,6% so với năm 2022); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 57,8% (tăng 1,8% so với năm 2022).

(4) Đa dạng hình thức tuyên truyền thông tin cung cầu việc làm, từng bước nâng cao chất lượng tư vấn kết nối việc làm, xây dựng Trung tâm dịch vụ việc làm thành kênh tuyển dụng có chất lượng cho doanh nghiệp; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng dữ liệu cung cầu lao động đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đối tác trên thị trường lao động.

(5) Tăng cường công tác đào tạo nghề trong doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo mới đào tạo lại trình độ kỹ năng nghề cho người lao động. Tổ chức các hội nghị đối thoại, hợp tác giữa 3 nhà “Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp” nhằm tạo nên sự liên kết trong việc tuyển dụng và đào tạo lao động.

### **3. Chỉ số chi phí không chính thức**

(1) Triển khai, thực hiện tốt Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc và tham mưu của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong thực thi công vụ. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giải quyết thủ tục hành chính nhất là về việc cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện, thanh tra, kiểm tra Thuế và thực hiện đấu thầu đối với các doanh nghiệp.

(2)- Tạo sự công bằng trong thực hiện thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, giải quyết khó khăn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

(3) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo và đúng quy định các nội dung kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trong đã được UBND tỉnh phê duyệt.

### **4. Chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền**

(1) Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động nghiên cứu, nắm vững các quy định của pháp luật; phát huy tính năng động, nhạy bén và vận dụng sáng tạo, linh hoạt các quy định của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn các doanh

ng nghiệp đầu tư, kinh doanh trên địa bàn; chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện để phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế ở địa phương.

(2) Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ của Tổ công tác đối thoại và giải quyết kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát các nhiệm vụ theo kế hoạch để tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao.

(3) Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong việc giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp, chủ động giải quyết các kiến nghị thuộc trách nhiệm và thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm. Đối với các nội dung vượt quá thẩm quyền hoặc thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, địa phương, đơn vị phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết, không để kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

### **5. Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp**

(1) Tiếp tục tăng cường triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức về hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng; các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết, cơ hội và thách thức từ Hiệp định thương mại tự do trong hoạt động kinh doanh với đối tác nước ngoài, giới thiệu về các khu vực thị trường,...trên phương tiện thông tin đại chúng như Báo, Đài, tổ chức các hội nghị, xuất bản bản tin, và lồng ghép trong các Hội nghị của các ngành.

(2) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng; tham gia các chương trình đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng về hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức làm công tác hội nhập; phổ biến, giải đáp các thông tin liên quan đến hội nhập quốc tế nói chung, việc thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên nói riêng đến các doanh nghiệp.

### **6. Chỉ số tiếp cận đất đai**

(1) Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện việc công khai đầy đủ các quy hoạch về xây dựng, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực để người dân, doanh nghiệp được biết; công khai, minh bạch và tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và áp dụng các chính sách đất đai.

(2) Tiến hành rà soát, kiến nghị bãi bỏ các thủ tục không cần thiết và đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất...đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm có mặt bằng triển khai dự án đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Đồng thời, quản lý chặt chẽ các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình sử dụng đất, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác xử lý đối với các dự án, các diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng,

thâm quyền; các dự án vi phạm chính sách đất đai, chậm tiến độ, sử dụng đất không đúng mục đích...đề tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư.

(3) Đẩy mạnh công tác quy hoạch sử dụng đất và quản lý quy hoạch sử dụng đất; hình thành dữ liệu thông tin về đất đai để cung cấp thuận lợi, nhanh chóng cho các doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

### **7. Chỉ số cạnh tranh bình đẳng**

(1) Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tiếp cận các nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, chính sách ưu đãi, mặt bằng sản xuất, thủ tục hành chính,... đảm bảo minh bạch, công bằng, đúng quy định, không phân biệt đối xử, không có sự thiên vị giữa các loại hình doanh nghiệp.

(2) Rà soát, loại bỏ những quy định có tính chất bất bình đẳng, không hợp lý, đảm bảo sự nhất quán giữa các quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước; đặc biệt chính sách bình đẳng về thuế và tiếp cận đất đai.

### **8. Chỉ số chi phí thời gian**

(1) Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện theo mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông” để rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến quá trình thành lập và hoạt động của doanh nghiệp.

(2) Tổ chức thực hiện tốt công tác hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ khi thực hiện các thủ tục hành chính, tăng tỉ lệ hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên, hạn chế thấp nhất tình trạng người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để bổ sung thủ tục do hướng dẫn không đầy đủ.

(3) Nâng cao đạo đức công vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; định kỳ tổ chức luân chuyên cán bộ giữa các khâu trong quá trình xử lý công việc để hạn chế tiêu cực. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử khi tiếp xúc với doanh nghiệp, công dân đến yêu cầu công việc, từng bước đáp ứng ngày càng cao sự hài lòng của doanh nghiệp đối với cơ quan công quyền và dịch vụ công.

(4) Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; thực hiện nghiêm ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2528/UBND-NC ngày 26/4/2021 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục giảm thiểu gánh nặng thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, sớm công khai trên website của cơ quan nhà nước danh sách các doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra và kết quả thanh, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật.

### **9. Chỉ số gia nhập thị trường**

(1) Thực hiện nghiêm túc đầy đủ, công khai các thủ tục đăng ký doanh nghiệp; khai thác, sử dụng tốt các ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp trong khởi sự kinh doanh và thực hiện các quy định của nhà nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cải cách TTHC, tiếp tục rà soát, đề xuất đơn giản hóa và kiên nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền các TTHC để tạo thuận lợi, giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp khi gia nhập thị trường và thực hiện các quy định của nhà nước.

(2) Tiếp tục cải thiện phương pháp làm việc, rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp, hướng dẫn, hỗ trợ, vận động doanh nghiệp tăng cường thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp áp dụng dịch vụ công trực tuyến qua mạng (mức độ 4) hoặc nộp hồ sơ và trả kết quả bằng đường bưu điện. Triển khai các giải pháp để rút ngắn số ngành đăng ký doanh nghiệp từ 9,5 ngày xuống còn 3-4 ngày. Tăng cường công khai, minh bạch các thủ tục hành chính có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

### **10. Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự**

(1) Triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh luôn bảo đảm ổn định, duy trì môi trường xã hội an toàn, lành mạnh cho các hoạt động kinh tế, xã hội và dân sinh.

(2) Các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng cần tăng cường trách nhiệm trong việc giải quyết các vụ tranh chấp, khi giải quyết phải đảm bảo khách quan, công tâm và đúng theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp ngày càng tin tưởng vào cơ quan công quyền và tạo thói quen sử dụng các thiết chế pháp lý để giải quyết các tranh chấp liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh.

(3) Công bố công khai các trình tự, thủ tục tố tụng, khiếu nại, tố cáo và quy định rõ về thời gian giải quyết các vụ việc được nhanh chóng, công bằng, hợp lý; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp trong việc lập thủ tục hồ sơ khiếu nại, tranh chấp.

-----